TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 10-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Vũ**
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Ninh**;
2. Bà **Trần Thị Đào**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2018/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Hữu Q**; sinh năm 1991, tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Thợ hàn cửa sắt; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lê Thành C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; Anh, chị, em ruột: Có 04 người; Vợ: Hồ Thị L, sinh năm 1991; Con: Có 01 người; Tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-11-2018 cho đến nay, có mặt.

2. **Nguyễn Văn K (Đ)**; sinh năm 1983, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp T1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Nguyễn Văn H, lai lịch không rõ và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Anh, chị, em ruột: Không có; Vợ: Lê Thị Kim L, sinh năm 1984; Con: Có 02 người; Tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 28-11-2018 bị bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Hoàng H; sinh năm 1994, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp T 1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn O, sinh năm 1969 và bà Lê Cẩm H, sinh năm 1969; Anh, chị, em ruột: Không có; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị

bắt, tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 28-11-2018 bị bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Thạch Thị L, sinh năm 1962, *Vắng mặt.*

Địa chỉ: đường VV, Phường 8, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Lê Văn N, sinh năm 1963

Ông N ủy quyền cho: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1961, *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp T 1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3/ Anh Lư Quốc T, sinh năm 1990, *Vắng mặt.*

Địa chỉ: khu phố 8, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Khắc H (R), sinh năm: 1997, *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2/ Anh Mai Tấn P, sinh năm 1990, *Vắng mặt.*

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 12/5/2018, tại nhà số Ô5/46 khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Công an huyện G kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Khắc H có hành vi cất dấu 2.800 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero nhập lậu chờ bán bị thu giữ, 02 xe mô tô, 05 điện thoại di động các loại, 01 xe ô tô hiệu Mazda biển số 51G - 429.38 và 27.000.000 đồng; kết quả điều tra thể hiện

Khoảng 19 giờ ngày 12/5/2018, Lê Hữu Q đến tại nhà Ô5/46 khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nhà này do Mai Tấn P thuê của chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 để ở); Q đến đây nhưng không gặp được các đối tượng chở thuê thuốc lá nên Q điện thoại cho Nguyễn Khắc H và Mai Tấn P yêu cầu H và P mỗi người đi một xe mô tô đến khu vực ngã 4 đèn vàng thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh để nhận thuốc lá nhập lậu, mỗi người 1.400 bao của người nữ tên P không rõ họ tên thật, địa chỉ ở đâu giao thuốc lá cho Khắc P và P, mỗi người chở 1.400 bao, Khắc H và P khi chở đi cách nhau 05 phút từ khu vực đèn vàng thuộc ấp T, xã L, huyện B về nhà Phát thuê số Ô5/46 khu phố T, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tây Ninh để tránh lực lượng công an kiểm tra bắt giữ. Sau khi Khắc P và P chở thuốc lá xuất phát từ ngã 4 đèn vàng thuộc ấp T, xã L, huyện B thì Q điện thoại phân công cho Nguyễn Văn K, yêu cầu K, Nguyễn Hoàng H và Phạm Văn G đến nhà thuê nhận số thuốc lá do Khắc H và P chở về cất giấu để chuyển đi bán còn Q thì chạy xe mô tô trên đường để canh chừng, cảnh giới lực lượng công an. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Khắc H và Mai Tấn P mỗi người chở 1.400 cây thuốc hiệu Hero về tại nhà thuê Ô5/46 khu phố T, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; như đã phân công, chỉ đạo

trực tiếp từ trước của Q, K điện thoại cho Hoàng H và G đến nhận 2.800 cây lá hiệu Hero đem ra phía sau nhà thuê (có phần đất bỏ hoang cỏ mọc cao) đối diện với nhà vệ sinh ngoài khu vực nhà P thuê để ở cất giấu, còn K thì đứng phía trước nhà P thuê để kiểm tra, cảnh giới lực lượng công an; sau khi giao 1.400 bao thuốc lá vừa chở về xong, Mai Tấn P hết nhiệm vụ của mình nên bỏ đi chơi, còn Nguyễn Khắc H ở lại chờ phụ giao thuốc lá. Sau khi Hoàng H và G cất thuốc lá xong thì K điện thoại thông báo cho Q biết để Q gọi người mua thuốc lá ở Long An điều khiển xe ô tô đến nhận hàng. Trong lúc K, Hoàng H, G và Khắc H đang chờ người tên M đến giao hàng thì bị lực lượng Công an huyện G kiểm tra bắt quả tang cùng 2.800 bao thuốc lá ngoại nhập lậu hiệu Hero; khi Công an đến kiểm tra, G bỏ chạy thoát, Q nghe tin thuốc lá bị bắt thì bỏ trốn đến ngày 18/5/2018 mới đến Cơ quan điều tra Công an huyện G đầu thú.

Ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang ngày 12/5/2018, quá trình điều tra bị can Lê Hữu Q thừa nhận đã thực hiện hành vi mua bán trái phép thuốc lá ngoại nhập lậu từ năm 2017 cho đến ngày bị bắt rất nhiều lần, không nhớ rõ cụ thể bao nhiêu lần. Riêng Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H đều khai nhận đã tham gia vào hành vi mua bán thuốc lá do Q tổ chức từ ngày 15/3/2018 đến ngày bị bắt được 15 lần, mỗi lần được trả tiền công từ 200.000 -300.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- Xe ô tô biển số 51G-429.38 khi bắt quả tang có tại nơi cất giấu thuốc. Qua điều tra xác minh, xác định xe này là của bà Thạch Thị L làm chủ sở hữu, bà L cho anh Lư Quốc T thuê, sau đó anh T cho Nguyễn Hoàng H thuê lại với giá 18.000.000 đồng/tháng để Q làm phương tiện đi canh đường, cảnh giới lực lượng Công an và dùng vận chuyển thuốc lá. Việc thuê và dùng xe vào hoạt động mua bán thuốc lá của Q, bà L và anh T hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện G đã trả lại xe cho bà L, anh T.

- 01 xe mô tô biển số 70E1 -1416, số máy C100ME – N4837, số khung C100M – N04837 đã trả lại cho ông Lê Văn N.

- 2.800 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 10 bịch nylong màu đen; 01 xe mô tô Wave@ màu xanh, dung tích xilanh 97 cm^3, biển số 71F9-5856, số máy HC08E-0005010, số khung RLHHC008042Y005012 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0127437 của xe mô tô biển số 71F9-5856; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Seri F2MSK4NCHFXW; 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri DNVV0XQHG73; 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri FLNRC0SCGRWM; 01 điện thoại di động Nokia 105, số Seri 35734242083977848; 01 điện thoại di động Nokia 6500, số Seri 359322022191188; Tiền Việt Nam 27.000.000 đồng; đã chuyển giao Chi cục thi hành án dân sự huyện G tạm giữ chờ xử lý.

Đối với Nguyễn Khắc H và Mai Tấn P qua điều tra xác định được Khắc H, P là người vận chuyển thuê thuốc lá cho Q theo chuyến; mỗi chuyến 1.400 bao với số tiền từ 70.000 đồng/chuyến về đến Gò Dầu; nếu đi xa hơn thì 120.000 đồng/chuyến về đến Củ Chi. Do đó, hành vi của Nguyễn Khắc H, Mai Tấn P chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự; ngày 26/10/2018, Công an huyện G đã báo cáo đề nghị xử lý hành chính.

Khi bắt quả tang Cơ quan điều tra thu giữ nhiều điện thoại di động trong đó có 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của Lê Hữu Q có tin nhắn chuyển tiền vào tài khoản của Q số 050079335190. Qua kiểm tra, xác minh từ ngày 01/5/2018 đến ngày 15/5/2018 thể hiện có 02 người chuyển tiền vào tài khoản của Q là Phạm Văn T sinh năm 1986, cư trú tại ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển 02 lần với số tiền 150.300.000 đồng; Thái Nguyễn H, sinh năm 1978 cư trú tại đường Trần Văn Đ, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh chuyển 04 lần với số tiền 379.663.000 đồng; trong đó Q khai nhận Thái Nguyễn H là người mua thuốc lá của Q chuyển đến còn Phạm Văn T không có liên quan đến hoạt động mua bán thuốc lá, hiện nay các đối tượng H, T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, không làm việc được; Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Phạm Văn G, quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được xử lý sau.

Đối tượng tên M là người thuê các bị cáo vận chuyển thuốc lá, do không rõ lai lịch, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn N, bà Huỳnh Thị L trình bày: Xe mô tô biển số 70E1-1416, số máy C100ME – N4837, số khung C100M – N04837 do ông Lê Văn N làm chủ sở hữu. Bị cáo K dùng xe này vào việc phạm tội ông N không hay biết. Nay ông N đã nhận lại xe này rồi và không có yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

Cáo trạng số: 129/CT-VKSGD ngày 13-11-2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H về tội: "Buôn bán hàng cấm", theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày chỉ vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu thuê cho đối tượng tên M. Chứ bản thân các bị cáo không phải là người buôn bán thuốc lá để hưởng lợi. Qua kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nếu bị cáo Lê Hữu Q là người đứng ra buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu thì sau khi trừ đi các chi phí thuê xe ô tô, thuê người vận chuyển, thuê người trông giữ, tiền xăng xe ô tô, tiền điện thoại thì bị cáo Q bị thua lỗ, không có lãi. Do đó, lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã thay đổi quyết định truy tố đối với các bị cáo từ tội "Buôn bán hàng cấm" thành tội "Vận chuyển hàng cấm". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hữu Q mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đồng thời áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo rõ ràng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/5/2018, Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H có hành vi vận chuyển 2.800 bao thuốc lá ngoại nhãn hiệu Hero, vận chuyển từ khu vực xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh về khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của người làm chứng, vật chứng được thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của các bị cáo Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Khắc H và Mai Tấn P có hành vi vận chuyển thuốc lá nhưng chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự; ngày 26/10/2018, Công an huyện G đã báo cáo đề nghị xử lý hành chính; Đối với Thái Nguyễn H, Phạm Văn T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, không làm việc được; Cơ quan điều tra Công an huyện G tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau; Đối với Phạm Văn G, quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được xử lý sau; Đối tượng tên M là người thuê các bị cáo vận chuyển thuốc lá, do không rõ lai lịch, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định pháp luật.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Mặc dù các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Nên trong trường hợp này, các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Đối với bị cáo Q sau khi được đối tượng tên M thuê vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu, đã đứng ra thuê lại bị cáo K, H vận chuyển thuốc lá để hưởng tiền chênh lệch. Mặc dù không trực tiếp vận chuyển nhưng bị cáo Q là người đứng ra sắp xếp thời gian, số lượng thuốc lá cho các bị cáo khác vận chuyển, nên bị cáo Q phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

Đối với bị cáo K và H khi được Q thuê vận chuyển thuốc lá các bị cáo đã không biết khuyên răn, ngăn cản, hoặc tố giác đến cơ quan chức năng ý định việc làm sai trái để cơ quan chức năng kịp thời xử lý. Mà các bị cáo đã tham gia rất tích cực, cùng với bị cáo Q thực hiện tội phạm. Cho nên trong vụ án này các bị cáo K, H phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Q, với vai trò là người thực hành.

[3] Vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, xâm hại đến nền kinh tế quốc gia, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là tiếp tay cho các đối tượng buôn lậu nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm hưởng lợi bất chính. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong giai đoạn điều tra đã đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo Q được hưởng.

+ Bị cáo K, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo K, H được hưởng.

Ngoài ra, các bị cáo còn có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo cũng là phù hợp.

Cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Qua kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, các bị cáo không phải là người đứng ra buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã thay đổi quyết định truy tố đối với các bị cáo từ tội "Buôn bán hàng cấm" thành tội "Vận chuyển hàng cấm". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hữu Q mức án từ 02 năm 06 tháng

đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Xe ô tô biển số 51G-429.38 Cơ quan điều tra Công an huyện G đã trả lại cho bà L, anh T xong; 01 xe mô tô biển số 70E1 -1416, số máy C100ME – N4837, số khung C100M – N04837 đã trả lại cho ông Lê Văn N. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 2.800 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero là vật chứng trong vụ án, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- 10 bịch nylong màu đen dùng để chứa thuốc lá, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô Wave@ màu xanh, dung tích xilanh 97 cm^3, biển số 71F9-5856, số máy HC08E-0005010, số khung RLHHC008042Y005012 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0127437 của xe mô tô biển số 71F9-5856 là phương tiện dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Seri F2MSK4NCHFXW; 01 điện thoại di động Nokia 105, số Seri 35734242083977848; 01 điện thoại di động Nokia 6500, số Seri 359322022191188 các bị cáo dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri FLNRC0SCGRWM, là của bị cáo Khanh, không dùng vào mục đích phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo K.

- 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri DNVV0XQHG73 là của bị cáo H, không dùng vào mục đích phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo H.

- Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng là của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Huy.

- Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng là của bị cáo K, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo K.

[6] Do Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo có tội và bị kết án. Nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K (Đ), Nguyễn Hoàng H phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Hữu Q, nếu bị cáo Q không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu Q số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điều 38; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K (Đen) 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn K (Đ), nếu bị cáo K không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn K (Đ) số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Huy, nếu bị cáo Huy không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hoàng H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hoàng H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2/ Các biện pháp tư pháp:

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 2.800 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 01 xe mô tô Wave@ màu xanh, dung tích xilanh 97 cm^3, biển số 71F9-5856, số máy HC08E-0005010, số khung RLHHC008042Y005012 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0127437 của xe mô tô biển số 71F9-5856; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Seri F2MSK4NCHFXW; 01 điện thoại di động Nokia 105, số Seri 35734242083977848; 01 điện thoại di động Nokia 6500, số Seri 359322022191188.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 10 bịch nylong màu đen.

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng H: Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri DNVV0XQHG73 để đảm bảo việc thi hành án.

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn K: Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Seri FLNRC0SCGRWM để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G)

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Các bị cáo Lê Hữu Q, Nguyễn Văn K (Đ), Nguyễn Hoàng H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo, bà Lập có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà L, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- UBND trị trấn Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA